TAND TP. PHAN THIEÁT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày: 01/6/2020.
Về việc: "Tranh chấp Hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thanh Hòa - Thaåm phaùn.**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Đỗ Văn Hòa**
2. **Bà Lê Thị Kiều Thu**

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Trong các ngày 29 tháng 5 và ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 295/2019/TLST-DS ngày 04/12/2019 *"V/v Đòi lại tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QÑXXST–DS ngaøy 23/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2020/QĐST-DS ngày 11/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm: 1936.

Nơi cư trú: số 193 T, phường P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn M là bà Nguyễn Hải Đăng Q, sinh năm 1991. Trú tại: Khu phố 12, phường P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận; Theo giấy ủy quyền lập ngày 27/4/2020 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Cương, số công chứng 03050, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD (có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Bà Trần Thị Xuân T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng trú tại: thôn X, xã P, thành phố Ph, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Hải Đăng Q trình bày:**

Tại bản án số 22/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã buộc vợ chồng ông Hồ Văn K và Trần Thị Xuân T phải trả cho ông Hoàng Văn M tổng số tiền 332.750.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực, vợ chồng ông K đã không thực hiện nên ông Hoàng Văn M có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 26/12/2018 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết đã ra Quyết định số 719/QD-CCTHADS, quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu. Trong quá trình thi hành án, ngày 25/02/2019, vợ chồng ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T có văn bản thỏa thuận với đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn M với nội dung *"Ông Hoàng Văn M đồng ý nhận từ người phải thi hành án là 289.000.000 (Hai trăm tám mươi chín triệu) đồng trong tổng số tiền 355.240.000 đồng được bản án số 22/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết. Tại thời điểm ký thỏa thuận, bên B giao cho ông Hoàng Văn M số tiền 240.000.000 đồng. Số tiền 49.000.000 (bốn mươi chín triệu)đồng còn lại, bên B sẽ giao trả cho ông Hoàng Văn M chậm nhất là vào ngày 07/3/2019. Nếu quá thời hạn trên mà bên B không trả, thì bên B sẽ phải chịu gấp 02 lần số tiền còn thiếu, vị chi là 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng. Đồng thời cộng với số tiền mà ông Hoàng Văn M không tính là 85.240.000 (tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi ngàn) đồng (căn cứ vào số bản án nêu trên và quyết định thi hành án số 719/QĐ-CCTHADS ngày 26/12/2018) thì bên A sẽ khởi kiện ra tòa".* Sau khi lập biên thỏa thuận ông Hoàng Văn M có đơn xin rút yêu cầu thi hành án và ngày 27/02/2019, Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết đã ra quyết định số 29/QĐ-CCTHADS về việc đình chỉ thi hành án. Tuy nhiên, vợ chồng ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T đã không thực hiện theo đúng như cam kết. Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn M yêu cầu vợ chồng ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T phải trả số tiền 183.240.000 đồng (98.000.000 đồng + 85.240.000 đồng = 183.240.000 đồng).

*** Bị đơn ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T trình bày:**

Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ; yêu cầu phản tố… nhưng bị đơn vẫn không trình bày cũng như cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Vụ việc đã được Tòa án hòa giải nhưng không được do bị đơn không đến tham gia hòa giải.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T phải trả cho ông Hoàng Văn M số tiền 164.240.000 *(Một sáu bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn)* đồng. Bởi vì căn cứ biên bản thỏa thuận số tiền phải thi hành theo bản án số 22/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết là 355.240.000 đồng, ông Hoàng Văn M chỉ yêu cầu số tiền 289.000.000 đồng, số tiền không yêu cầu là 66.240.000 đồng chứ không phải là 85.240.000 đồng như trong biên bản thỏa thuận. Hơn nữa, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không lý giải được vì sao xác định số tiền không yêu cầu là 85.240.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về trình tự thủ tục tố tụng:*** Bị đơn ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T, hiện nay đang cư trú tại thôn X, xã P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ tranh chấp *"Đòi lại tài sản"*, tuy nhiên việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là dựa trên biên bản thỏa thuận ngày 25/02/2019 giữa các bên nên đây là quan hệ tranh chấp *"giao dịch dân sự"*. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T đã được Tòa án nhân dân Tp. Phan Thiết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng ông K, bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] ***Về nội dung vụ án:***

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T phải trả cho ông Hoàng Văn M số tiền 183.240.000 đồng như cam kết ngày 25/02/2019.

Hội đồng xét xử, xét thấy căn cứ vào biên bản thỏa thuận đề ngày 25/02/2019 với nội dung " *Bên A (tức ông Hoàng Văn M) đồng ý nhận từ người phải thi hành án là 289.000.000 (hai trăm tám mươi chín triệu) đồng trong tổng số tiền 355.240.000 đồng được bản án số 22/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết. Tại thời điểm ký thỏa thuận, bên B giao cho ông Hoàng Văn M số tiền 240.000.000 đồng. Số tiền 49.000.000 (bốn mươi chín triệu) đồng còn lại, bên B sẽ giao trả cho ông Hoàng Văn M chậm nhất là vào ngày 07/3/2019. Nếu quá thời hạn trên mà bên B (tức ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T) không trả, thì bên B sẽ phải chịu gấp 02 lần số tiền còn thiếu, vị chi là 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng. Đồng thời cộng với số tiền mà ông Hoàng Văn M không tính là 85.240.000 (tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi ngàn) đồng (căn cứ vào số bản án nêu trên và quyết định thi hành án số 719/QĐ-CCTHADS ngày 26/12/2018) thì bên A sẽ khởi kiện ra tòa"*. Biên bản thỏa thuận này được ký bởi người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Văn M với vợ chồng ông Hồ Văn K, bà Trần Thị Xuân T. Các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, biên bản thỏa thuận này có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, bên ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T đã không thực hiện đúng theo nghĩa vụ đã cam kết. Vì vậy, giao dịch (biên bản thỏa thuận ngày 25/02/2019) này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Theo như biên bản thỏa thuận đến ngày 07/3/2019 vợ chồng ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T không thực hiện theo đúng như cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự. Hơn nữa, tại biên bản thỏa thuận nếu vợ chồng ông K, bà T không trả tiền theo đúng như cam kết thì bị phạt gấp đôi (tức là 49.000.000 đồng thành 98.000.000 đồng) việc thỏa thuận như trên không trái với quy định tại khoản 1 Điều 418 Bộ luật dân sự.

Ngoài lời khai này của nguyên đơn, thì ông K, bà T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc giao nộp chứng cứ và yêu cầu phản tố, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải…nhưng ông K, bà T cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào khác; không trình bày ý kiến và cũng không có yêu cầu phản tố. Nhưng xét thấy để bảo đảm quyền lợi cho ông K, bà T, Hội đồng xét xử, xét thấy tại biên bản thỏa thuận số tiền phải thi hành theo bản án số 22/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 là 355.240.000 đồng, ông M chỉ yêu cầu ông K, bà T phải trả số tiền

289.000.000 đồng, số tiền còn lại không yêu cầu là 66.240.000 đồng (355.240.000 - 289.000.000 = 66.240.000). Nhưng tại biên bản thỏa thuận xác định số tiền còn lại không yêu cầu là 85.240.000 đồng; mặt khác tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nuyên đơn không trình bày được lý do tại sao lại xác định số tiền chưa yêu cầu là 85.240.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định trong quá trình thỏa thuận các bên đã tính toán sai nên để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bị đơn nên Hội đồng xét xử cần phải tính lại cho phù hợp**.**

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 164.240.000 đồng (98.000.000 đồng + 66.240.000 đồng = 164.240.000 đồng. Buộc ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T phải trả cho ông Hoàng Văn M số tiền 164.240.000 *(Một sáu bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn)* đồng.

[3] ***Về án phí:*** Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M không được chấp nhận một phần nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận**.** Tuy nhiên, ông Hoàng Văn M, sinh năm 1936 (trên 60 tuổi), ông M có đơn xin miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử, xét miễn toàn bộ tiền án phí phần yêu cầu không được chấp nhận là phù hợp.

Ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***1/ Áp dụng*:** Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 385; Điều 351 và Điều 418; Điều 357; Điều 688 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M.

Buộc ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T phải trả cho ông Hoàng Văn M số tiền số tiền 164.240.000 *(Một sáu bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn)* đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Án phí: Ông Hồ Văn K và bà Trần Thị Xuân T phải nộp 8.212.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bán án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh*;
- *VKS Tp. Phan Thiết;*
-*Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;*
- *Đương sự;*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hòa